TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Thôn Q1, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Sơn H, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2017 và bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2018 nguyên đơn là chị Đoàn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Trần Sơn H từ năm 2010 nhưng đến ngày 17 tháng 01 năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 07). Đầu năm 2014 anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mặc dù chị và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không thay

đổi tính cách mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Trần Gia B, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2011 đang do chị N nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh H đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Sơn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2018, anh H trình bày thống nhất với chị N về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2014 do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị N mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Trần Gia B, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2011 đang do chị N nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị N đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật, anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Trần Sơn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2011 đang do chị N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Đoàn Thị N và anh Trần Sơn H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2014 do bất đồng quan điểm sống, anh H nghi ngờ chị N sống không chung thủy, anh H theo bạn bè chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị N mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10/2014 đến nay không quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của anh H và ý kiến của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2011 đang do chị N nuôi dưỡng, cháu B khỏe mạnh bình thường. Anh chị đều thống nhất để chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác chị N làm công nhân, có thu nhập kinh tế bình quân hàng tháng khoảng

5.000.000đ/tháng, có điều kiện, thời gian, chỗ ăn ở ổn định để chăm sóc cháu B. Do đó cần giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Trần Sơn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2011 đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0006112 ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Vũ Thị Dịu

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Ngát **Đặng Thị Đôi** **Lưu Thanh Huyền**